SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0355.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1490.26

VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu

Địa điểm lấy mẫu : Tổ quản lý cây nước ấp Tân Hưng Tây - Điểm trụ sở UBND xã - Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp. Tại hộ Đồng Thị Trước - Ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 14/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 91 - Đ2**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 14/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 14/10/2026 - 22/10/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,1	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,92	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	350	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,002	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	0,070	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,008 mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	53,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	11,7	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	0,004	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,06	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	5,92	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,22	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	105,7	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	43	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	107	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/L	≤ 0,70
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/L	≤ 0,30
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/L	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002 mg/L	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2 Bq/L	≤ 1,00

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu hàm lượng Hydro Sulfua, Coliforms và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0355.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1491.26

VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu

Địa điểm lấy mẫu : Tổ quản lý cây nước ấp Tân Hưng Tây - Điểm trụ sở UBND xã - Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp. Tại hộ Trần Thị Hiệp - Ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 14/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 92 - Đ2**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 14/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 14/10/2026 - 22/10/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,89	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	365	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	< LOQ = 0,001 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	0,090	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	0,15	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	70,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	11,7	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,06	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	5,77	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,05	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,19	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	121,7	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	28	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/L	≤ 0,70
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/L	≤ 0,30
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/L	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002 mg/L	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2 Bq/L	≤ 1,00

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu hàm lượng Hydro Sulfua, Coliforms không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0355.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1492.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu

Địa điểm lấy mẫu : Tổ quản lý cây nước ấp Tân Hưng Tây - Điểm trụ sở UBND xã - Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp. Tại Điểm Trạm y tế Tân Hòa Tây - Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 14/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 93 - Đ2**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 14/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 14/10/2026 - 22/10/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,84	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,3	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,80	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,06	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	355	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,005	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	0,045	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	0,05	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	82,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	8,15	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,07	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	5,92	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,05	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,16	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	81,4	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	55	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/L	≤ 0,70
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/L	≤ 0,30
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/L	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002 mg/L	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2 Bq/L	≤ 1,00

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
DT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com